TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA ĐÀN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **05**/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 23/4/2019
V/v:"ly hôn, do một bên bị tuyên bố mất tích"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA ĐÀN –TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Phan Quang Sơn**

Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Hữu Như Ngọc và ông Bạch Xuân Hiền**

- *Thư ký phiên tòa*: **Bà Hồ Thị Thủy** – Thư ký TAND huyện Nghĩa Đàn – tỉnh Nghệ An.

-*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Đàn – tỉnh Nghệ An tham gia phiên toà:* ***Bà Nguyễn Thị Thùy Linh*** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở TAND huyện Nghĩa Đàn – tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:46/2019/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 về "ly hôn, do một bên bị mất tích" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **anh Nguyễn Đình T**, sinh năm 1967; Địa chỉ: Xóm Hồng Thái, xã Nghĩa H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Bị đơn: **chị Vương Thị Đ**, sinh năm 1965; Đăng ký hộ khẩu thường trú: xóm Hồng Thái, xã Nghĩa H, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/02/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Đình T trình bày: Anh Nguyễn Đình T và chị Vương Thị Đ cùng đi xuất khẩu lao động tại Liên xô trước đây. Quá trình ở nước ngoài hai anh chị tìm hiểu và đi đến kết hôn tại Đại sứ quán Việt Nam tại Liên Xô cũ vào ngày 21 tháng 8 năm 1991. Sau khi kết hôn vợ chồng về Việt Nam chung sống với bố mẹ đẻ của anh T bình thường. Đến tháng 6 năm 2008, chị Đ bỏ gia đình đi biệt tích từ đó cho đến nay, không liên lạc gì với gia đình. Anh T đã ra quê chị Đ tại Phú Thọ nhưng gia đình chị Đ cũng không biết chị Đ đi đâu và làm gì, anh T sau đó cũng đã áp dụng mọi biện pháp tìm kiếm nhưng vẫn không có tin tức gì của chị Đ. Hiện nay, chị Đ đã bị Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An tuyên bố mất tích theo quyết định số 08/2018/QĐDS – ST ngày 28/12/2018, từ đó đến nay cũng không có tin tức gì về chị Đ. Vì vậy, nay anh T xin ly hôn với chị Đ.

Về con cái: Trong quá trình chung sống, anh T và chị Đ có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình Th, sinh ngày 14/12/1992 và Nguyễn Thị Huyền Th sinh ngày 14 tháng 7 năm 1997. Hiện nay các con của anh đã trưởng thành và tự lập cuộc sống riêng của mình nên anh không có yêu cầu gì về các con. Về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Đ đã có quyết định của Tòa án về việc tuyên bố mất tích. Do vậy Tòa án căn cứ vào quy định pháp luật, ý kiến của kiểm sát viên để giải quyết vắng mặt chị Định.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của anh Tùng là cho anh T được ly hôn với chị Đ. Về các con và tài sản anh T không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thẩm quyền giải quyết : Theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn có thẩm quyền giải quyết yêu cầu của anh Tùng.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Đình T và chị Vương Thị Đ là hợp pháp. Theo yêu cầu của anh T, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn đã ra quyết định số 08/2018/QDDS – ST ngày 28/12/2018 tuyên bố chị Đ mất tích. Từ đó đến nay vẫn không có tin tức gì của chị Đ.Theo quy định tại khoản 2 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì đây là căn cứ giải quyết ly hôn. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh T là cho anh T được ly hôn với chị Đ.

[3]. Việc quan hệ con cái: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình Th, sinh ngày 14/12/1992 và Nguyễn Thị Huyền Th sinh ngày 14 tháng 7 năm 1997. Nay ly hôn anh T không yêu cầu gì phần con cái.

[4]. Về quan hệ tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 68 BLDS; các điều 28; điều 35, điều147, các điều 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; điều 56, điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Đình T và chị Vương Thị Đ.

Về nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Về chia tài sản: Các Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về án phí**:** Anh Nguyễn Đình T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0001315 ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Đàn. Anh Tùng đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Báo cho anh Nguyễn Đình T biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Vương Thị Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Quang Sơn

Nơi nhận:

- Các đương sự;

- VKSND huyện, tỉnh;

- Chi cục THADS huyện;

- TAND tỉnh;

- UBND xã Nghĩa Hồng;

- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;